

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Võ Thị Diệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Ngọc Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **09/2022/TLST-HNGĐ** ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **27/2022/QĐXXST-DS** ngày 16 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim T** - sinh năm 1986 (vắng mặt),
Địa chỉ: Ấp A, xã AB, huyện CD, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hồng A** - sinh năm 1978 (vắng mặt),
Địa chỉ: Ấp B, xã BC, huyện ED, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian quen biết, tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Hồng A tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2003. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2004 tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đến năm 2013, vợ chồng cùng đi làm ăn tại ấp 4, xã LB, huyện BL, tỉnh Long An. Đến đầu năm 2020, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh A không quan tâm, chăm sóc vợ con, không chăm lo tài chính, sinh hoạt của gia đình và thường xuyên cự cãi lớn tiếng với chị. Đầu

năm 2021, anh A tự ý bỏ về quê nhà tại ấp 2, xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không liên lạc, cũng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hồng A.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Kim N - sinh ngày 28/7/2004 và Nguyễn B - sinh ngày 21/7/2011; hiện các con chung đang sống với chị. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung là 1.500.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; tuy nhiên, chị T trình bày tại Tòa án hiện tại chị có khả năng nuôi con nên chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hồng A đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh A.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, Bản sao Giấy khai sinh con chung; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Nguyễn Hồng A hiện đang cư trú tại ấp 2, xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hồng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý

do, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T và bị đơn anh Nguyễn Hồng A.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 03/6/2004, đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hồng A là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên chị T hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị T cho biết do mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được nên chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh A. Đối với bị đơn anh Nguyễn Hồng A, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh Ân không đến tham dự. Như vậy đã cho thấy anh Ân đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến nghĩa vụ của người chồng trong quan hệ hôn nhân với chị T.

[3.3] Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Ân có tồn tại mâu thuẫn, nếu chung sống với nhau thì cũng không hạnh phúc và không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T về việc ly hôn với anh Nguyễn Hồng A là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị T và anh A có 02 con chung là Nguyễn Kim N - sinh ngày 28/7/2004 và Nguyễn B - sinh ngày 21/7/2011; hiện các con chung đang sống chung với chị T; khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Đồng thời, theo nguyện vọng của các con chung tại các bản tự khai đề ngày 16/02/2022 thì cháu Nn và cháu B có nguyện vọng được sống với chị T trong trường hợp chị T và anh A ly hôn. Bởi lẽ đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị T; giao các con chung gồm Nguyễn Kim N và Nguyễn B cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ân có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, chị T nhận thấy có đủ khả năng tự nuôi dưỡng con chung nên chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T xác định vợ không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Hồng A.

2. Về con chung: Giao các con chung gồm Nguyễn Kim N - sinh ngày 28/7/2004 và Nguyễn B - sinh ngày 21/7/2011 cho chị Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Nguyễn Hồng A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007149 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Đường sự;
- CC THADS HCL;
- UBND xã TN, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh